

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2020/HNGĐ-ST
Ngày 20-8-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Kho

Bà Đặng Thị Đôi

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Văn Phong - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 189/2020/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 5 năm 2020 về "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2020/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1983; nơi đăng ký HKTT: Thôn 8 L, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Đội 2, thôn Đ1, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Ngọc H1, sinh năm 1981; địa chỉ cư trú: Thôn 8 L, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 12 tháng 5 năm 2020, các bản tự khai ngày 26 tháng 5 năm 2020 và ngày 17 tháng 7 năm 2020, nguyên đơn chị Hoàng Thị H trình bày:

Chị tự nguyện chung sống với anh Nguyễn Ngọc H1 năm 2003, được hai

bên gia đình tổ chức hỏi, cưới theo phong tục truyền thống và có đăng ký kết hôn ngày 12 tháng 7 năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng nhà, đất của bố mẹ đẻ anh H1 ở thôn 8 L, xã T, huyện K, sau đó xây nhà riêng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 14 năm thì phát sinh mâu thuẫn từ năm 2017, nguyên nhân do bất đồng với nhau về lối sống, phong cách sống, anh H1 nghi ngờ chị trong các mối quan hệ bạn bè, không chia sẻ với chị về kinh tế, có tính gia trưởng. Khi chị H có bất đồng gì với bố mẹ chồng thì anh H1 không đứng ra làm trung gian hòa giải, còn có lời lẽ thiếu tôn trọng chị. Dẫn đến, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, xúc phạm lẫn nhau. Tháng 9 năm 2019, chị H đã nộp đơn xin ly hôn anh H1, anh H1 chủ động xin lỗi, chị H rút đơn, anh chị về đoàn tụ được vài tháng lại phát sinh mâu thuẫn. Anh H1 không thay đổi, hay xúc phạm chị vô cớ. Vì vậy, từ tháng 02 năm 2020, chị bỏ về nhà mẹ đẻ ở tại đội 2, thôn Đ1, xã Đ, huyện K. Vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến nhau về tình cảm cũng như kinh tế. Nay chị không còn tình cảm với anh H1, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh H1.

Về con chung: Anh chị có 03 con là Nguyễn Minh T và Nguyễn Anh T1 sinh đôi nên đều sinh ngày 15 tháng 10 năm 2004 và Nguyễn Quốc K, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2012. Khi ly hôn, chị muốn nhận nuôi cháu K đến khi đủ 18 tuổi vì anh chị đều có chỗ ở riêng, công việc, thu nhập ổn định. Chị có thu nhập trung bình từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng hàng tháng. Nhưng 03 cháu đều có đơn xin được ở với bố khi bố mẹ ly hôn, nên chị đồng ý để cả 03 con cho anh H1 chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, anh chị thỏa thuận tự giao nhận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các biên bản xác minh đối với bố đẻ anh H1 là ông Nguyễn Quốc V, thôn 8 L và UBND xã T xác định: Về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống, thời gian xảy ra mâu thuẫn, thời gian chị H bỏ về nhà mẹ đẻ ở, thời gian sống ly thân phù hợp với lời trình bày của chị H. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 14 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, lối sống, nghi ngờ nhau trong các mối quan hệ bạn bè dẫn đến tình cảm rạn nứt, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, xúc phạm lẫn nhau. Từ tháng 02 năm 2020, chị H bỏ về nhà mẹ đẻ ở đội 2, thôn Đ1, xã Đ, huyện K để ở. Vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến nhau về tình cảm cũng như kinh tế. Nay chị H xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị H và theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh chị có 03 con là Nguyễn Minh T và Nguyễn Anh T1, sinh đôi nên đều sinh ngày 15 tháng 10 năm 2004 và Nguyễn Quốc K, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2012, 03 con hiện đang do bố mẹ đẻ anh H1 chăm sóc, nuôi

dưỡng. Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn, đề nghị giao các cháu cho anh H1 chăm sóc, nuôi dưỡng theo nguyện vọng của anh H1, các cháu và gia đình vì anh H1 có chỗ ở là nhà riêng, có thu nhập ổn định, trung bình khoảng hơn 10.000.000 đồng hàng tháng và bố mẹ để anh H1 có điều kiện về thời gian để cùng anh H1 chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu tốt hơn. Về cấp dưỡng nuôi con, anh H1 không yêu cầu chị H đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ: Đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh chị và theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, theo lời trình bày và đơn yêu cầu của chị H: Tòa án đã tiến hành xác minh và thu thập chứng cứ tại gia đình anh H1, thôn 8 L và Ủy ban nhân dân xã T về việc đăng ký kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian vợ chồng sống ly thân và các vấn đề khác giữa chị H và anh H1; sau khi tiến hành phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Tòa án đã ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh H1 đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến Tòa án để tự khai về yêu cầu xin ly hôn của chị H và các vấn đề khác có liên quan. Anh H1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Tại phiên tòa, chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H1. Về con chung: Chị trình bày, chị cũng muốn nhận nuôi cháu K đến khi con đủ 18 tuổi. Nhưng theo nguyện vọng của anh H1 và 03 cháu đều muốn ở với anh H1 nên chị đồng ý giao cả 03 con chung cho anh H1 nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng, anh chị tự thỏa thuận giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và công nợ chị vẫn giữ nguyên quan điểm như trong đơn xin ly hôn và bản tự khai đã nộp đến Tòa án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại khoản 15, 16 Điều 70, khoản 1 Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

1. Về tố tụng: Chị H có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện K giải quyết ly hôn với anh H1 có nơi đăng ký HKTT: Thôn 8 L, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K. Anh Nguyễn Ngọc H1 là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã được triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị: Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh H1 kết hôn do tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ vào năm 2004. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, lối sống, nghi ngờ nhau trong các mối quan hệ bạn bè. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, xúc phạm lẫn nhau. Chị H đã có lần nộp đơn xin ly hôn anh H1, anh H1 chủ động xin lỗi, chị H rút đơn, Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án, anh chị về đoàn tụ được một thời gian lại phát sinh mâu thuẫn. Anh chị sống ly thân nhau từ tháng 02 năm 2020 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay chị H xin ly hôn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho chị Hoàng Thị H được ly hôn anh Nguyễn Ngọc H1.

3. Về con chung: Anh chị có 03 con là Nguyễn Minh T và Nguyễn Anh T1, sinh đôi nên đều sinh ngày 15 tháng 10 năm 2004 và Nguyễn Quốc K, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2012. Khi ly hôn, chị H đồng ý giao cả 03 con chung cho anh H1 nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi theo nguyện vọng của anh H1 và 03 cháu đều có đơn xin được ở với anh H1 khi bố mẹ ly hôn. Căn cứ vào các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử giao 03 con chung cho anh H1 tiếp tục nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh H1 không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự. Theo lời trình bày và đơn yêu cầu của chị H. Tòa án đã xác minh và tổng đạt trực tiếp thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; giấy triệu tập; thông báo kết quả phiên họp; thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ của Tòa án cho ông Nguyễn Quốc V là bố đẻ anh H1 nhận thay để báo và giao lại cho anh H1 nhận. Anh H1 đã biết, được nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng không đến Tòa án để tự khai đối với yêu cầu xin ly hôn của chị H và các vấn đề khác có liên quan. Anh H1 không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Sau đó, Tòa án đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho ông Nguyễn Quốc V nhận thay để báo và giao lại cho anh H1. Anh H1 vẫn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Anh H1 là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã được triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh H1 kết hôn do tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K ngày 12 tháng 7 năm 2004. Như vậy hôn nhân giữa chị H và anh H1 là hôn nhân hợp pháp. Đánh giá chung, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 14 năm. Song trong thời gian chung sống, mâu thuẫn phát sinh từ năm 2017 và trầm trọng vào năm 2019, do anh H1 công tác ở xa, ít khi được về nhà nên vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, lối sống không còn phù hợp, nghi ngờ nhau trong các mối quan hệ bạn bè. Dẫn đến, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, xúc phạm nhau. Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên bảo anh chị nhưng không đạt được kết quả gì. Chị H bỏ về nhà mẹ đẻ ở tại đội 2, thôn Đ1, xã Đ, huyện K, vợ chồng sống ly thân nhau từ đó đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay chị H xin ly hôn, qua xác minh, thu thập chứng cứ theo yêu cầu của đương sự tại gia đình anh H1, thôn 8 L, xã T và Ủy ban nhân dân xã T đều cho biết: Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ năm 2017 đến nay ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị H xin ly hôn là có cơ sở chấp nhận. Nên xử cho chị H được ly hôn anh H1 là phù hợp.

[4] Về con chung: Anh chị có 03 con là Nguyễn Minh T và Nguyễn Anh T1, sinh đôi nên đều sinh ngày 15 tháng 10 năm 2004 và Nguyễn Quốc K, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2012. Khi ly hôn, chị H đồng ý giao cả 03 con chung cho anh H1 nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Anh H1 có chỗ ở ổn định, đang là Sĩ quan H1 quân, có thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng hơn 10.000.000 đồng trở lên, đủ khả năng nuôi dưỡng 03 con chung. Xét việc chị H đồng ý giao cả 03 con cho anh

H1 nuôi phù hợp với đề nghị của chính quyền địa phương xã Đ, nguyện vọng của anh H1, 03 cháu và đại diện gia đình anh H1. Do đó, cần giao 03 cháu cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng sau khi ly hôn, anh H1 không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, công nợ: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

[7] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị H được ly hôn anh Nguyễn Ngọc H1.

2. Về con chung: Giao 03 con là cháu Nguyễn Minh T và Nguyễn Anh T1, sinh đôi nên đều sinh ngày 15 tháng 10 năm 2004 và cháu Nguyễn Quốc K, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2012 cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng sau khi ly hôn, anh H1 không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị Hoàng Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị H phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu ký hiệu AA/2016, số AA.0009266 ngày 22 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị H đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Anh H1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện K, HP;
- Chi cục THA DS huyện K, HP;
- Đương sự;
- UBND xã Đ, huyện K, HP;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Hoàng